TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí
2. Ông Huỳnh Văn Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Tô Văn Đằng - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Văn Khải– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú T, xã Thạnh P, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990.(vắng mặt)

- Con chung trên 07 tuổi: Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 (có đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 07 ấp Phú G, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 10/4/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày: Bà Nguyễn Thị Kiều T kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2011 tại UBND xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Nên bà về nhà cha mẹ ruột ở vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 hiện đang sống với ông Nguyễn Văn T. Nay bà Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T đồng ý để con chung tên Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Kiều T không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Nguyễn Văn T không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

- Tại biên bản lấy lời khai khai 10/5/2019 và tại đơn xin vắng mặt ngày 10/5/2019 con chung trên 07 tuổi Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 trình bày: Khi cha mẹ cháu không còn sống chung nữa, nguyện vọng của cháu xin được sống với mẹ và cho cháu xin vắng mặt tại các phiên tòa vì cháu bận đi học

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T. Còn cháu Nguyễn Quang V có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt cháu Nguyễn Quang V.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều T; Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 (theo nguyện vọng của cháu V); Bà Nguyễn Thị Kiều T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Nguyễn Văn T đã được cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông T vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Còn cháu Nguyễn Quang V có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt cháu Nguyễn Quang V.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Nguyễn Thị Kiều T là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Q, huyện Mỹ X. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T, vì kể từ đầu năm 2017 đến nay bà và ông T không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, bà không còn tình cảm với ông T, kể từ khi bà gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án, bà và ông T không còn liên hệ với nhau, giữa bà và ông T không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn xảy ra vào đầu năm 2017, đã hơn 02 năm nay hai bên vẫn không có thiện chí tìm cách hàn gắn đoàn tụ. Từ đó tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông T không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà T, bà Trang được ly hôn với ông T.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn T có 01 người con, tên Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 hiện nay con chung đang sống với ông T. Ông T yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu bà Trang cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, khi bà T và ông T không còn chung sống với nhau cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 vẫn do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010. Ngoài ra tại biên bản lấy khai ngày 10/5/2019 cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 có nguyện vọng sống với cha. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 đến tuổi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Kiều T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều T được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Quang V, sinh ngày 24/12/2010 (theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Quang V) đến tuổi trưởng thành.

3. Bà Nguyễn Thị Kiều T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

5. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

6. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005522 ngày 17/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.ADS huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Tùng